ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA TRUNG QUỐC TẠI VIỆT NAM DƯỚI ẢNH HƯỞNG CỦA QUAN HỆ CHÍNH TRỊ - NGOẠI GIAO VIỆT NAM - TRUNG QUỐC (1991 - 2023)

TRẦN NAM TRUNG*

1. Khái quát về quan hệ chính trị - ngoại giao giữa Việt Nam và Trung Quốc từ khi bình thường hóa quan hệ

Tháng 11 năm 1991, Tổng Bí thư Đỗ Mười và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt thăm chính thức Trung Quốc. Trong chuyến thăm này, Việt Nam và Trung Quốc ra Thông cáo chung, hai nước chính thức bình thường hóa quan hệ theo 5 nguyên tắc: Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau; không xâm phạm lẫn nhau; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; bình đẳng cùng có lợi và cùng tồn tại hòa bình (1). Theo đó, quan hệ giữa hai nước đã được phát triển bằng những chuyến thăm viếng, tiếp xúc cấp cao, lãnh đạo hai nước nhằm tăng cường đối thoại, đàm phán và đã đạt được những bước tiến về vấn đề biên giới lãnh thổ (2). Đặc biệt là chuyến thăm chính thức Việt Nam của Thủ tướng Trung Quốc Lý Bằng (tháng 12-1992) (3) là một sự kiện nhằm củng cố mối quan hệ chính trị - ngoại giao song phương Việt - Trung, mở ra cơ hội cho các nhà đầu tư Trung Quốc vào thị trường Việt Nam bằng việc hai nước chính thức ký kết "*Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau*" (2-12-1992).

Tiếp đó, ngày 19-10-1993, đại diện Chính phủ hai nước đã ký Thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề biên giới lãnh thổ (4).

Trong 10 năm đầu (1991-2001) sau khi chính thức bình thường hóa, quan hệ chính trị - ngoại giao giữa hai nước đã dần được khôi phục. Đặc biệt, những cuộc thăm viếng, gặp gỡ, tiếp xúc cấp cao hàng năm (5) là cơ sở quan trọng để hai Đảng, hai nước tìm hiểu, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, từ đó xóa dần những khoảng cách trong quan hệ hai nước (6). Trong những cuộc tiếp xúc, hai bên đã thống nhất nguyên tắc chung trong phương thức hợp tác giữa hai nước là hữu nghị và láng giềng thân thiện dựa trên năm nguyên tắc đã thống nhất; Những vấn đề còn tồn tại được lãnh đạo cấp cao hai nước trao đổi trực tiếp, thẳng thắn thông qua thương lượng, đàm phán tiến tới ký kết được những hiệp định quan trọng.

Từ đầu thế kỷ XXI đến nay, hai bên thường xuyên có các chuyến thăm cấp cao, trong đó có các chuyến thăm của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam tới Trung Quốc. Về phía Trung Quốc, có Tổng Bí thư, Chủ

*ThS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

tịch nước, Chủ tịch Chính hiệp, Thủ tướng Quốc Vụ viện đã đến thăm Việt Nam. Đặc biệt, từ sau sự kiện Giàn khoan 981 (tháng 5-2014), tính từ năm 2015 đến nay, hai Đảng, hai Nhà nước đã tiến hành một số chuyến thăm cấp cao quan trọng, như: chuyến thăm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từ ngày 7 đến ngày 10-4-2015 đến Trung Quốc (7), cùng hội đàm với Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình về tổng kết kinh nghiệm và gợi mở đối với quan hệ Việt Nam - Trung Quốc. Chuyến thăm của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đến Trung Quốc từ ngày 10 đến ngày 15-9-2016, hội đàm với Thủ tướng Trung Quốc Lý Khắc Cường và dự Hội chợ Trung Quốc - ASEAN, Hội nghị Thượng đỉnh thương mại, đầu tư Trung Quốc ASEAN lần thứ 13 (8). Từ ngày 12 đến ngày 15-1-2017, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã đến thăm Trung Quốc (9) và cùng Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình ký Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc. Chuyến thăm của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình đến Việt Nam trong hai ngày 12 và 13-11-2017 (10). Đây là chuyến thăm đầu tiên của người đứng đầu Đảng, Nhà nước Trung Quốc kể từ sau Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc khi ông được tái nhiệm Tổng Bí thư, Chủ tịch Quân ủy Trung ương. Chuyến đi này có ý nghĩa rất quan trọng đối với quan hệ giữa hai nước trong bối cảnh mới.

Ngay từ những ngày đầu năm 2018, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và Tổng Bí thư Tập Cận Bình đã gửi thư chúc mừng năm mới đến nhân dân hai nước, nhất trí cùng nỗ lực thúc đẩy quan hệ song phương tiếp tục phát triển. Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc cũng đã có cuộc gặp quan trọng với Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình nhân dịp Hội chợ nhập khẩu quốc tế Trung Quốc lần thứ nhất tại Thượng Hải (4-11-2018) (11). Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và Thủ tướng Lý Khắc Cường có hai lần tiếp xúc nhân dịp Hội nghị cấp cao hợp tác Mekong - Lan Thương tại Campuchia (10-1-2018) và Hội nghị cấp cao ASEM 12 tại Vương quốc Bỉ (18-10-2018). Bên cạnh những chuyến thăm, tiếp xúc cấp cao, trao đổi nhiều đoàn cấp cao giữa hai nước cũng đã diễn ra trong năm 2018, như: Về phía Trung Quốc có Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị, Bí thư Ủy ban Kiểm tra, Kỷ luật Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc Triệu Lạc Tế đã thăm chính thức Việt Nam; Hồ Xuân Hoa, Phó Thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc sang thăm và tham dự Diễn đàn Kinh tế thế giới ASEAN tại Việt Nam; Ủy viên Quốc vụ, Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị hai lần sang thăm Việt Nam và có nhiều cuộc tiếp xúc với Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh tại các diễn đàn đa phương.

Trong năm 2019 và 2020, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc tiếp tục được duy trì và phát triển tích cực. Các chuyến thăm cấp cao giữa hai nhà nước được duy trì. Tháng 4-2019, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc thăm chính thức Trung Quốc và dự Diễn đàn cấp cao hợp tác quốc tế "Vành đai và Con đường" lần thứ hai (12). Tháng 7-2019, Chủ tịch Quốc hội Việt Nam Nguyễn Thị Kim Ngân thăm chính thức Trung Quốc. Đại dịch Covid-19 đã làm ảnh hưởng nhiều đến các chuyến thăm cấp cao trong năm 2020, nhưng lãnh đạo hai nước vẫn luôn duy trì các cuộc trao đổi với nhau qua điện đàm. Nhân dịp kỷ niệm 75 năm Quốc khánh Việt Nam, 71 năm Quốc khánh Trung Quốc và kỷ niệm 70 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước, ngày 29-9-2020, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng và Tổng Bí thư, Chủ tịch nước

Tập Cận Bình đã điện đàm (13) chúc mừng kết quả phòng chống dịch của Việt Nam và Trung Quốc cũng như sự hợp tác song phương giữa hai nước ngày càng đi vào thực chất hơn.

Đặc biệt trong chuyến thăm cấp cao của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đến Trung Quốc từ ngày 30-10 đến ngày 1-11-2022 (14), hai nước đã ký Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc về việc tiếp tục đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn nữa quan hệ *Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện*. Lãnh đạo hai nước khẳng định Việt Nam và Trung Quốc vừa là láng giềng tốt, vừa là đồng chí tốt, đối tác tốt cùng chung chí hướng, chia sẻ vận mệnh chung, cùng dồn sức vì hạnh phúc nhân dân, đất nước giàu mạnh và sự nghiệp cao cả hòa bình và phát triển của nhân loại… (15). Hai bên cho rằng, việc lãnh đạo cao nhất của hai Đảng duy trì trao đổi thường xuyên, định hướng, dẫn dắt quan hệ Việt - Trung, có vai trò định hướng chiến lược quan trọng đối với sự phát triển của quan hệ hai Đảng, hai nước.

Có thể thấy rằng, cơ chế thăm viếng, tiếp xúc cấp cao của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội và Chính phủ hai nước từ khi bình thường hóa quan hệ đều nhằm mục đích thắt chặt thêm độ tin cậy chính trị giữa hai bên, kết thúc các chuyến thăm phần lớn đều có ký kết Thông cáo chung và nhiều hiệp định và văn kiện hợp tác song phương - đây chính là cơ sở pháp lý, nền tảng cho mối quan hệ hợp tác bền vững, lâu dài giữa hai bên. Hơn nữa, các chuyến thăm này còn tạo động lực cho việc triển khai các thỏa thuận hợp tác và mở đường cho các chuyến thăm cấp ban, bộ, ngành, địa phương của hai nước.

Hai bên thường xuyên tổ chức các chuyến thăm cấp ban, bộ, ngành Trung ương và địa phương. Việt Nam và Trung Quốc đã tổ chức thành công nhiều phiên họp Ủy ban Chỉ đạo hợp tác song phương Việt - Trung với nhiều kết quả tích cực; Quan hệ giữa các ban, ngành, tổ chức chính trị từ Trung ương đến địa phương giữa hai nước được tăng cường bằng nhiều hình thức thiết thực, như: Tổ chức thường niên Liên hoan thanh niên, tuổi trẻ giữa hai nước; Liên hoan giao lưu văn hóa - nghệ thuật giữa hai nước. Tổ chức nhiều phiên họp của các cơ chế hợp tác giữa các địa phương vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, như: Ủy ban Công tác liên hiệp giữa 4 tỉnh: Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hà Giang (Việt Nam) và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); Hội nghị kiểm điểm tình hình hợp tác bộ/ngành địa phương (Việt Nam) với tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc); Hội nghị hợp tác hành lang kinh tế 5 tỉnh, thành phố Côn Minh (Trung Quốc), Lào Cai, Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh (Việt Nam);… Các hoạt động trên đã tạo điều kiện cho các ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội của hai nước thống nhất nhận thức chung, tìm cách xóa bỏ rào cản, tìm phương hướng triển khai cùng phát triển.

Có thể nói rằng, từ khi bình thường hóa, quan hệ giữa hai nước Việt - Trung có trải qua những bước thăng trầm, nhưng về cơ bản là không có những mâu thuẫn quá gay gắt, vẫn đảm bảo sự ổn định trong quan hệ chính trị - ngoại giao, là nền tảng cơ bản để Trung Quốc tiến hành các hoạt động đầu tư trực tiếp ở Việt Nam.

2. Giai đoạn khởi động trong hoạt động đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam

Những thành quả trong quan hệ chính trị - ngoại giao là nhân tố quan trọng thúc đẩy các mối quan hệ khác phát triển, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Trung Quốc tại Việt Nam. Ngay sau khi hai nước chính thức bình thường hóa quan

hệ, một công ty của Trung Quốc đã triển khai dự án đầu tư vào Nhà hàng Hoa Long tại phố Hàng Trống, Hà Nội (được cấp phép ngày 25-11-1991) với số vốn 200.000 USD. Mặc dù số vốn đầu tư này không phải là lớn, nhưng nó có tác dụng mở đường cho các hoạt động đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam. Nhằm khuyến khích và bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, hai nước Việt Nam - Trung Quốc đã ký kết "Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau" (ngày 2-12-1992), tạo ra cơ sở tin cậy cho các doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư vào Việt Nam.

Trong giai đoạn này, đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc tại Việt Nam chỉ mang tính chất khởi động, số dự án và lượng vốn đầu tư là rất nhỏ so với tổng lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam. Nếu xét về số dự án, so sánh với Campuchia vào thời điểm tháng 12-1999 thì Trung Quốc đã đầu tư vào Campuchia 129 dự án với tổng số vốn là 260 triệu USD, trong khi tại Việt Nam chỉ có 76 dự án với tổng số vốn đầu tư là 130 triệu USD (16). Tính đến tháng 12-2000, số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc tại Việt Nam là 92 dự án, tổng vốn đăng ký đầu tư 148 triệu USD (17). Đến tháng 12-2001 Trung Quốc đã có 110 dự án đầu tư tại Việt Nam với tổng số vốn đăng ký là 221 triệu USD (18). Trong giai đoạn này, tốc độ và quy mô vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc tại Việt Nam là còn nhỏ, trung bình mỗi dự án chỉ khoảng 1,5 triệu USD, có nhiều dự án với số vốn đầu tư theo giấy phép chỉ trên dưới 100.000 USD. Đến cuối năm 2001, trong số 110 dự án đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam, rất ít dự án có vốn đầu tư trên 10 triệu USD (trừ dự án Khu chế xuất Linh Trung - Thành phố Hồ Chí Minh có vốn đầu tư ban đầu là 14 triệu USD). Con số này có sự khác biệt rất lớn so với nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài từ Thái Lan vào Việt Nam, tính đến tháng 8-2001, Thái Lan có 92 dự án đầu tư trực tiếp tại Việt Nam với tổng số vốn là hơn 1 tỷ USD, trung bình mỗi dự án là hơn 10,8 triệu USD, lớn hơn 5,4 lần so với quy mô các dự án đầu tư của Trung Quốc (19).

Xét về lĩnh vực đầu tư, giai đoạn này Trung Quốc chủ yếu tập trung đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh: khách sạn, nhà hàng, sản xuất lắp ráp xe máy, thuốc trừ sâu, gia công gương kính, da giày, sản xuất máy đếm tiền và thiết bị có liên quan đến ngân hàng, chế biến sản phẩm lâm nghiệp, nuôi trồng hải sản, chế biến thực phẩm và rau quả, sản xuất thức ăn gia súc, sản xuất đầu lọc thuốc lá, giấy vệ sinh, đồ chơi trẻ em, sản xuất gạch men gốm sứ vệ sinh phục vụ dân sinh, đèn chiếu sáng, thuốc đông y, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu chế xuất (khu chế xuất Linh Trung tại Thành phố Hồ Chí Minh), xây dựng chợ (chợ Sắt Hải Phòng) (20)... Vốn đầu tư của Trung Quốc được thực hiện chủ yếu theo hình thức liên doanh với các doanh nghiệp Việt Nam. Các doanh nghiệp Trung Quốc thường rót vốn đầu tư tại các tỉnh, thành phố ở cả miền Bắc và miền Nam như: Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Hòa Bình, Sơn Tây, Vĩnh Phúc, Bắc Giang...

Có thể thấy rằng, FDI của Trung Quốc vào Việt Nam trong giai đoạn này tuy chưa nhiều, nhưng đã đem lại những lợi ích nhất định cho cả hai phía. Thông qua các dự án đầu tư, Việt Nam đã xuất hiện thêm một số doanh nghiệp được trang bị máy móc, kỹ thuật và công nghệ sản xuất mới, sản xuất ra một số sản phẩm mới và doanh thu mới cho xã hội, giải quyết được hàng nghìn việc làm cho người lao động Việt Nam (21)... Đây chính là những điểm nhấn trong bức tranh FDI của Trung Quốc tại Việt Nam trong giai đoạn khởi động này.

3. Làn sóng đầu tư mới của Trung Quốc vào Việt Nam từ năm 2001 đến giữa năm 2014

Sự phát triển mạnh mẽ quan hệ chính trị - ngoại giao Việt Nam - Trung Quốc từ đầu thế kỷ XXI, được đánh dấu bởi Hiệp định khung về Hợp tác toàn diện ASEAN - Trung Quốc năm 2002, cũng là thời điểm Trung Quốc đã gia nhập WTO (2001); đó là động lực chính, thúc đẩy nguồn vốn đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam. Trong giai đoạn này, vốn đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam đã có những chuyển biến rõ rệt, trở thành một trong những nội dung chủ yếu trong hợp tác kinh tế giữa hai nước.

Từ năm 2001 trở đi, đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam ngày càng được mở rộng. Trong ba khu vực của nền kinh tế, thì khu vực một (*bao gồm các ngành kinh tế thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp*) chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 68%, tiếp theo là khu vực ba (*gồm các ngành kinh tế dịch vụ và du lịch*) chiếm 3%. Ngoài ra, trong khu vực 2 (*gồm các ngành công nghiệp và xây dựng*) thì cơ cấu công nghiệp cũng có những thay đổi lớn so với giai đoạn trước, từ chủ yếu là giải trí, công nghiệp nhẹ và các dự án khác sang công nghiệp chế tạo, chiếm 50,97% tổng vốn đầu tư (22). Mô hình đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam đã phát triển từ tập trung vào thương mại sang thành lập doanh nghiệp với nhiều hình thức và ngành nghề khác nhau, tận dụng các lợi thế khác nhau. Vì vậy, trong giai đoạn này, Trung Quốc tiếp tục tăng cường đầu tư trực tiếp vào Việt Nam với quy mô lớn.

Năm 2006, Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và đã ký kết nhiều Hiệp định thương mại với nhiều nước như: Hoa Kỳ, Trung Quốc, Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc và hầu hết các nền kinh tế quan trọng trên thế giới, đặc biệt là đã ký kết các Hiệp định thương mại tự do (FTA) với Liên minh Châu Âu. Nhật Bản, Hàn Quốc... Việt Nam đã trở thành thành viên quan trọng của Hiệp định thương mại tự do toàn cầu trong kỷ nguyên mới. Nguồn vốn đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam do đó cũng dần tăng lên. Tháng 6 năm 2008, lãnh đạo Trung Quốc và Việt Nam tuyên bố nâng cấp quan hệ lên *Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện* (23). Trong bối cảnh đó, đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam tiếp tục phát triển và quy mô đầu tư tổng thể có xu hướng ngày càng tăng. Từ năm 2007 đến 2010, đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam đã tăng từ 111 triệu USD lên 305 triệu USD, trung bình hàng năm tốc độ tăng trưởng là 82,03% (24).

Ngoài ra, các dự án gói thầu của Trung Quốc tại Việt Nam cũng ngày càng gia tăng. Năm 2009, các dự án gói thầu của Trung Quốc tại Việt Nam (hầu hết là các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng) chiếm gần 6,0% trong tổng hợp tác kinh tế của Trung Quốc ở châu Á và 3,1% trong toàn thế giới. Tuy nhiên, tổng vốn đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng vốn đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc. Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, năm 2009, đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam chiếm 0,28% tổng đầu tư của Trung Quốc tại châu Á và dưới 0,2% trong toàn thế giới. Kể từ tháng 6 năm 2011, nguồn FDI của Trung Quốc tại Việt Nam có những dao động thất thường và giảm mạnh xuống mức 312 triệu USD trong năm 2012. Tuy nhiên ngay sau đó nguồn vốn đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam có xu hướng tăng nhanh nhất là năm 2013.

Nếu xét về quy mô đầu tư, từ thời điểm này, FDI của Trung Quốc vào Việt Nam

tăng cả về số lượng dự án cũng như quy mô vốn đầu tư (khoảng 2,5 triệu USD/dự án), số dự án đầu tư có số vốn trên 1 triệu USD đến 10 triệu USD đã xuất hiện ngày một nhiều. Việc Việt Nam gia nhập WTO (năm 2006) cùng với việc hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, môi trường đầu tư của Việt Nam cũng được cải thiện đã thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam tăng khá mạnh, đã xuất hiện nhiều dự án từ 10 triệu USD đến 100 triệu USD, nâng số vốn bình quân lên 4,3 triệu USD/dự án. Những dự án có số vốn đầu tư lớn đã góp phần thay đổi diện mạo đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam trong hơn 10 năm đầu thế kỷ XXI.

Bước sang giai đoạn từ năm 2011 đến giữa năm 2014, FDI của Trung Quốc có sự thay đổi mạnh mẽ theo chiều tăng lên cả về số lượng dự án cũng như số lượng vốn. Tính đến cuối năm 2014, số dự án FDI của Trung Quốc tại Việt Nam đã tăng lên 1.082 dự án, với tổng số vốn đăng ký là 7,94 tỷ USD, đứng thứ 7 trong danh sách các quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam, so với tháng 5-2013 tăng 53 dự án và 88 triệu USD (25). Đáng chú ý trong giai đoạn này có dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện đốt than BOT Vĩnh Tân 1 (Bình Thuận) của nhà đầu tư Trung Quốc đã chiếm tới 2,018 tỷ USD. Ngoài ra, phải kể đến các dự án thuộc lĩnh vực bất động sản, dệt may đăng ký mới và tăng vốn trong 2 năm (2013 và 2014) như: Dự án xây dựng khu công nghiệp Hải Hà (Quảng Ninh); Dự án khu công nghiệp An Dương (Hải Phòng); Dự án khai thác - kinh doanh Khu công nghiệp bất động sản ở Tiền Giang và Dự án dệt - sợi - nhuộm ở Nam Định (26).

Giai đoạn này đánh dấu mức tăng rất lớn lượng vốn và số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, nếu tính riêng năm 2013 thì Trung Quốc là quốc gia xếp thứ 4 trong tổng số 101 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Nhiều chuyên gia nhận định, dòng vốn đầu tư từ Trung Quốc tăng lên nhanh chóng là do các nhà đầu tư nước này đã nghiên cứu, nắm bắt nhằm đón lõng, hưởng lợi từ việc Việt Nam tham gia Hiệp định TPP, và cũng là thời điểm Việt Nam có khả năng kết thúc đàm phán về Hiệp định mậu dịch tự do với EU (EVFTA). Bởi vậy nhiều nhà đầu tư Trung Quốc chủ động rót vốn, đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất nguyên vật liệu nhằm tận dụng cơ hội từ các hiệp định Việt Nam tham gia.

Xét về lĩnh vực đầu tư, trong tổng số 17 ngành nghề Trung Quốc có đầu tư tại Việt Nam, đứng đầu là 5 lĩnh vực: *Công nghiệp chế biến, chế tạo* với 704 dự án, tổng số vốn đầu tư 4,1 tỷ USD, vốn điều lệ hơn 2,1 tỷ USD, chiếm 53% tổng vốn đầu tư (về lĩnh vực này, các ngành dệt may chiếm tỷ trọng lớn do các nhà đầu tư Trung Quốc muốn đón cơ hội hưởng thuế suất 0% khi Việt Nam tham gia TPP*); Sản xuất phân phối điện, khí, nước, điều hòa* đứng vị trí thứ 2 với 3 dự án, tổng vốn đầu tư hơn 2,0 tỷ USD, vốn điều lệ hơn 360 triệu USD, chiếm 28%; *Xây dựng* với 98 dự án, tổng số vốn đầu tư 559,6 triệu USD, vốn điều lệ 235,8 USD, chiếm 7%; *Kinh doanh bất động sản* với 14 dự án, tổng số vốn đầu tư 461,8 triệu USD, vốn điều lệ 118,3 triệu USD, chiếm 6%; *Dịch vụ lưu trú và ăn uống* là 12 dự án, tổng số vốn đầu tư 298,7 triệu USD, vốn điều lệ 64,3 triệu USD, chiếm 4%. Tính chung 5 lĩnh vực nói trên đã chiếm 98% tổng số vốn FDI của Trung Quốc vào Việt Nam (27). Lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, FDI của Trung Quốc đứng thứ 6 (FDI nói chung đứng thứ 10); lĩnh vực khai khoáng, FDI của Trung Quốc đứng thứ 8 trong tổng số ngành nghề (FDI nói chung đứng thứ 11).

Mặc dù có thay đổi trong lĩnh vực đầu tư nhưng cho đến năm 2014, FDI của Trung Quốc vào Việt Nam cũng chỉ mới tập trung ở những ngành nghề có hàm lượng công nghệ trung bình, chưa có dự án nào đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao với vốn đầu tư lớn.

Xét về hình thức đầu tư, loại hình đầu tư với dự án 100% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc chiếm vị trí cao nhất 49,8%, với 767 dự án, số vốn đầu tư lên đến hơn 3,9 tỷ USD. Loại hình hợp đồng BOT, BT, BTO chiếm 3,4% tổng số FDI, trong đó riêng Trung Quốc là 29,7% (loại hình này chỉ có 3 dự án nhưng vốn đầu tư lên tới hơn 2,3 tỷ USD). Hình thức liên doanh đứng vị trí thứ 3 với số dự án bằng 1/3 số dự án 100% vốn nước ngoài (217 dự án), vốn đầu tư trên 1,5 tỷ USD, chiếm 19,3%. Hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh có 32 dự án với số vốn đầu tư gần 59 triệu USD, và đứng cuối cùng là hình thức công ty cổ phần với 10 dự án, số vốn đầu tư 36 triệu USD (28). Sự thay đổi về loại hình đầu tư cho thấy sự tự tin, hiểu biết, đủ khả năng độc lập kinh doanh cũng như đặt niềm tin ở thị trường Việt Nam của các nhà đầu tư đến từ Trung Quốc.

Về địa bàn đầu tư, tính đến năm 2014, các nhà đầu tư Trung Quốc đã đầu tư ở hầu khắp các tỉnh, thành phố của Việt Nam (55/63 tỉnh, thành), trong đó tập trung nhiều nhất là tại các tỉnh ven biển (22/28 tỉnh ven biển) và các thành phố, khu vực đông dân cư, có sức thu hút lao động mạnh, có cơ sở hạ tầng tốt, thuận lợi cho xuất khẩu hàng hóa cũng như đi lại giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Theo thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đứng đầu trong các địa phương có nhiều dự án đầu tư Trung Quốc là Hà Nội (202 dự án), tiếp đến là Thành phố Hồ Chí Minh (110 dự án), Bình Dương (100 dự án), Bắc Ninh (54 dự án), Long An (54 dự án), Hải Phòng (49 dự án)... Xét về tổng lượng vốn đầu tư của Trung Quốc tại các địa phương giai đoạn này, Bình Thuận là địa phương thu hút vốn lớn nhất (2.027.263.379 USD), Lào Cai đứng thứ 2 (800.156.516 USD), Tây Ninh đứng thứ 3 (729.140.000 USD), Quảng Ninh đứng thư 4 (471.741.674 USD), tiếp đến là Bình Dương (349.787.076 USD), Hải Phòng (318.467.916 USD), Hà Nội (311.456.062 USD) (29)... Phần lớn các dự án đầu tư của Trung Quốc tại các địa phương chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực chế biến nông sản, thủy sản, chế tạo, luyện thép, bất động sản, xây dựng, dệt may, đồ gia dụng, phân bón, vật liệu xây dựng, thức ăn gia súc. Trong giai đoạn này, các nhà đầu tư của Trung Quốc bắt đầu để ý, hướng tới một số tỉnh biên giới tiếp giáp với Trung Quốc, đó là những tỉnh có cơ sở hạ tầng kém, trình độ phát triển thấp, khó thu hút vốn đầu tư nước ngoài như Lào Cai (22 dự án), Lạng Sơn (22 dự án), Cao Bằng (10 dự án), Hà Giang (6 dự án), Lai Châu (3 dự án). Tuy nhiên, các dự án đầu tư của Trung Quốc ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam cũng mới chỉ tập trung vào khai thác khoáng sản, nguyên vật liệu là chính, cụ thể là: Dự án chế biến tinh quặng sắt titan ở Thái Nguyên; dự án xây dựng nhà máy khai thác và chế biến antimon và tuyển quặng ở Hà Giang; dự án xây dựng nhà máy chế biến cao su thiên nhiên thành cao su tổng hợp và dự án sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng, dự án phát triển vùng nguyên liệu lá thuốc lá, kinh doanh chế biến nguyên liệu lá thuốc lá ở Lào Cai; dự án xây dựng nhà máy chế biến nhựa thông ở Lạng Sơn; dự án khai thác khoáng sản và sản xuất than cốc ở Cao Bằng... vì vậy, hiệu quả FDI của Trung Quốc mang lại cho các địa phương này không cao.

4. Hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc vào Việt Nam từ sau "Sự kiện Giàn khoan 981" đến 2023

Việc Trung Quốc đưa "Giàn khoan Hải Dương 981" vào hoạt động trái phép tại vùng biển Việt Nam từ ngày 1-5-2014 làm cho quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam rơi vào tình trạng căng thẳng. Sự kiện này đã có tác động trực tiếp đến các hoạt động ngoại giao giữa hai Đảng, hai Chính phủ và giao lưu giữa nhân dân hai nước... Chỉ sau sự kiện, đồng chí Lê Hồng Anh, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Đặc phái viên của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đến thăm Trung Quốc (26-8-2014) nhằm trao đổi với lãnh đạo Trung Quốc về các biện pháp làm dịu tình hình, không để tái diễn các vụ việc căng thẳng như vừa qua (30), các hoạt động ngoại giao, trao đổi giữa hai Đảng, hai nước mới dần được khôi phục. Theo đó, tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc tại Việt Nam cũng thực sự chịu ảnh hưởng khá lớn. Trong năm 2015, số dự án cấp mới của Trung Quốc không nhiều, số lượng dự án tăng vốn thấp, tổng vốn đầu tư cả năm của Trung Quốc đứng thứ 10 trong số các nước và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam.

Để giải tỏa tình trạng căng thẳng trong quan hệ Việt-Trung, hai nước đã tổ chức nhiều chuyến thăm cấp cao cùng nhiều hoạt động ngoại giao song phương. Mở đầu cho giai đoạn này là chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng vào tháng 4-2015. Thông cáo chung giữa hai nước nhân chuyến thăm này đã nêu lên một cách cụ thể giải pháp để cải thiện quan hệ kinh tế thương mại Việt-Trung: "Phía Trung Quốc ủng hộ doanh nghiệp Trung Quốc sang Việt Nam đầu tư phát triển và sẵn sàng tạo điều kiện hơn nữa cho các doanh nghiệp Việt Nam đến Trung Quốc khai thác mở rộng thị trường. Phía Việt Nam sẽ tạo điều kiện thuận lợi cần thiết cho các doanh nghiệp Trung Quốc sang đầu tư kinh doanh tại Việt Nam" (31). Tiếp đến, nhân dịp tham dự Hội chợ nhập khẩu quốc tế Trung Quốc lần thứ nhất tại Thượng Hải, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã có cuộc gặp quan trọng với Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình ngày 4-11-2018. Trong cuộc gặp, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình khẳng định: "Trung Quốc muốn khuyến khích nhiều doanh nghiệp Trung Quốc đến Việt Nam tham gia hợp tác dự án lớn, tăng cường liên thông kết nối..." (32).

Có thể nói, từ năm 2015 đến nay, các chuyến thăm, tiếp xúc cấp cao của lãnh đạo hai nước đã diễn ra với tần xuất nhiều hơn. Chính nhờ có các cuộc gặp gỡ, trao đổi cấp cao nên những thỏa thuận song phương Việt - Trung trong hợp tác kinh tế đã được triển khai một cách thuận lợi. Trong các chuyến thăm cấp cao của lãnh đạo hai nước ở giai đoạn này, hai bên đã đạt được những thỏa thuận trong hợp tác kinh tế, phía Trung Quốc nhấn mạnh đến những vấn đề sau: 1- Kết nối chiến lược, hợp tác năng lực sản xuất và kết nối hạ tầng trong khuôn khổ "Một vành đai, một con đường"; 2- Thúc đẩy xây dựng các khu hợp tác kinh tế qua biên giới; 3- Đẩy nhanh triển khai các dự án hợp tác trọng điểm giữa hai nước (33). Trong năm 2017, nhân các chuyến thăm cấp cao, hai bên đã ký tổng số 32 hiệp định, thỏa thuận, văn kiện hợp tác, chứng kiến trao 7 văn bản, trong đó có nhiều văn kiện có tác động lớn đến hợp tác giữa hai nước như văn kiện về kết nối sản xuất, kết nối chiến lược "Vành đai và Con đường" với "Hai hành lang, Một vành đai".

Sự "ấm lên" trong quan hệ chính trị - ngoại giao giữa hai nước tạo ra cơ hội mới, khai thông luồng vốn đầu tư trực tiếp của

Trung Quốc vào Việt Nam một cách mạnh mẽ hơn. Nó được thể hiện rõ nét ở tổng lượng vốn đầu tư tăng mạnh. Từ năm 2016, bắt đầu xuất hiện làn sóng FDI mới tại Việt Nam, đưa Trung Quốc vươn lên vị trí đứng thứ 4 trong năm và lũy kế đứng thứ 8 trong số các quốc gia và vùng lãnh thổ đang đầu tư tại Việt Nam. Số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, từ năm 2016 đến nay, số lượng dự án tăng vốn và số lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư Trung Quốc đều tăng nhanh. Số lượt góp vốn, mua cổ phần năm 2017 gấp hơn hai lần năm 2016. Lũy kế tính đến tháng 12 - 2017, tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc tại Việt Nam đã tăng lên hơn 12 tỷ USD với 1.812 dự án, đứng thứ 8 trong tổng số 116 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam (34).

Đến tháng 6-2023, Trung Quốc đầu tư gần 1,3 tỷ USD vào 233 dự án tại Việt Nam, đưa nước này trở thành nhà đầu tư lớn thứ 3 trong năm và tính lũy kế duy trì vị trí thứ 6/143 quốc gia/vùng lãnh thổ đầu tư FDI vào Việt Nam với 3.791 dự án còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký đạt hơn 25 tỷ USD (35).

Lĩnh vực đầu tư và hình thức đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam trong giai đoạn này vẫn chủ yếu là lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, tiếp đến là lĩnh vực xây dựng, hoạt động chuyên môn khoa học, công nghệ, xe máy... Cụ thể, trong tổng số 300 dự án cấp mới năm 2017, có đến 165 dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, tiếp sau đó là xe máy 67 dự án, xây dựng 14 dự án, hoạt động hành chính và hỗ trợ dịch vụ 12 dự án. Trong số lượt góp phần mua cổ phần, lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo cũng đứng đầu với 314/831 lượt. Tổng vốn đăng ký của lĩnh vực này chiếm khoảng 84% tổng vốn đăng ký của cả năm 2017 (36).

Cùng với chủ trương đổi mới sâu rộng nền kinh tế của Đảng và Nhà nước, trong những năm gần đây, các doanh nghiệp lớn của Việt Nam đang trong giai đoạn đẩy mạnh cổ phần hóa, bán vốn, thoái vốn, hình thức đầu tư của các nhà đầu tư Trung Quốc thông qua góp vốn mua cổ phần, thâu tóm (M&A) doanh nghiệp Việt Nam tăng mạnh. Chỉ tính riêng trong năm 2017, doanh nghiệp Trung Quốc đã thực hiện 817 lượt góp vốn mua cổ phần, trong đó tập trung chủ yếu vào hai ngành là bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và công nghiệp chế biến, chế tạo. Thương vụ M&A nổi bật gần đây là việc tập đoàn kinh doanh bất động sản và xây dựng Trung Quốc - China Forture Land Development (CFLD), thâu tóm thành công đại dự án Đại Phước Lotus Đồng Nai do Vina Capital quản lý (37).

Địa bàn đầu tư của các doanh nghiệp Trung Quốc tại Việt Nam cũng có nhiều thay đổi, các dự án đầu tư của Trung Quốc tập trung chủ yếu ở các trung tâm kinh tế lớn, ở các tỉnh đồng bằng dân cư đông đúc và gần trung tâm kinh tế lớn. Lũy kế các dự án tính đến cuối năm 2016 phân theo địa phương, Hà Nội đứng đầu cả nước trong thu hút đầu tư của Trung Quốc về số dự án (289 dự án), tiếp đến là Bình Dương (215 dự án), Thành phố Hồ Chí Minh (178 dự án), Long An (133 dự án), Bắc Ninh (94 dự án), Hải Phòng (60 dự án), Bắc Giang (59 dự án), Hưng Yên (55 dự án) (38). Năm 2017, Hà Nội vẫn dẫn đầu trong các địa phương có dự án cấp mới với 62 dự án, tiếp đến là Bình Dương với 44 dự án, Thành phố Hồ Chí Minh 37 dự án, Long An 34 dự án (39).

Hiện nay các khu công nghiệp thuộc địa bàn các thành phố trung tâm (Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh) hoặc các tỉnh có điều kiện cơ sở hạ tầng phát triển, như: Bình Dương, Biên Hòa, Đồng Nai, Hưng Yên gần như đã

được lấp đầy, hơn nữa điều kiện phê duyệt dự án đầu tư của các địa phương này ngày một khắt khe, đặc biệt trong yêu cầu bảo vệ môi trường, thì nguồn vốn FDI của Trung Quốc đã và đang tìm đến các địa phương có lực lượng lao động dồi dào, như: Nam Định, Tây Ninh. Các dự án của Trung Quốc và Hongkong đầu tư vào Nam Định tăng mạnh đầu giai đoạn này đến tháng 4 - 2018 có 22 dự án, riêng năm 2016 có đến 9 dự án của Trung Quốc, Hongkong hoặc liên doanh với Mỹ đầu tư ở Nam Định (40).

Trong số 22 dự án ở Nam Định, chỉ có 3 dự án nằm trong khu công nghiệp, còn lại là ở ngoài khu công nghiệp. Nhiều dự án được đặt tại một số xã xa trung tâm của nhiều huyện như Nhà máy sản xuất hàng may mặc của Hồng Kong tại xã Yên Bình, nhà máy may mặc Smart Shirts Garments Manufacturing, huyện Hải Hậu; nhà máy sản xuất giày Bunda tại xã Nghĩa Minh, huyện Nghĩa Hưng; nhà máy Smart Shirts Garments Manufacturing Xuân Trường tại xã Xuân Trung, huyện Xuân Trường; nhà máy sản xuất trang phục tại xã Xuân Trung, huyện Vụ Bản; nhà máy sản xuất giày xuất khẩu tại huyện Nam Trực, xã Nghĩa An, Nam Cường, huyện Nam Trực... Các dự án đầu tư xây dựng nhà máy dệt, may, da giày thường lựa chọn đầu tư ở những địa phương có nguồn lao động dồi dào, thuận lợi cho việc tuyển dụng lao động địa phương, đồng thời có thể tiết kiệm chi phí ăn ở của công nhân.

Như vậy, có thể thấy sự kiện "Giàn khoan Hải Dương 981" năm 2014 đã có tác động nhất định đến đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam. Điều này được thể hiện qua sự sụt giảm của đầu tư trong năm 2015 và chỉ mang tính nhất thời, ngắn hạn. Từ năm 2016 đến nay đã xuất hiện một làn sóng đầu tư mới của Trung Quốc tại Việt Nam, phản ánh sự hấp dẫn của thị trường Việt Nam và nhu cầu đầu tư ra bên ngoài lớn của nhà đầu tư Trung Quốc. Sự tăng trưởng của nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc tại Việt Nam bắt nguồn từ những nguyên nhân mang tính ổn định, cũng như nguyên nhân mang tính thời điểm. Nguyên nhân mang tính ổn định là môi trường đầu tư tại Việt Nam có tính ổn định tương đối cao và nguồn nhân lực đang giá rẻ, dồi dào. Những điều kiện lợi thế trong thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam như ưu đãi về thuế, về giá thuê đất, giá nhân công tiếp tục duy trì. Theo đánh giá của doanh nghiệp Trung Quốc, mức lương của công nhân Việt Nam chỉ bằng khoảng 1/3 ở Trung Quốc, giá thuê đất, giá điện đều thấp hơn ở Trung Quốc (41). Đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến các doanh nghiệp dệt may, chế tạo của Trung Quốc, những ngành nghề sử dụng nhiều lao động, tiêu hao năng lượng vẫn tiếp tục tăng đầu tư ở Việt Nam trong thời gian qua.

Nguyên nhân mang tính thời điểm là kể từ năm 2014 đến 2022 là việc Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Việt Nam đàm phán và thông qua Hiệp định TPP đã trở thành chất xúc tác thúc đẩy dòng vốn FDI của Trung Quốc, đặc biệt là lĩnh vực dệt may có xu hướng tăng mạnh trong thời gian qua. Ngoài ra, các hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương thế hệ mới giữa Việt Nam với các đối tác ở nhiều châu lục có hiệu lực, hàng xuất khẩu của các doanh nghiệp Trung Quốc tại Việt Nam sẽ tránh được mức thuế nhập khẩu cao, được hưởng lợi nhiều hơn so với sản xuất và xuất khẩu từ Trung Quốc.

Việc các doanh nghiệp Trung Quốc tăng vốn đầu tư vào Việt Nam trong mấy năm gần đây còn do nước này đang thực hiện điều chỉnh về kinh tế. Sau khi chuyển đổi

phương thức phát triển, mô hình tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đã bước đầu thay đổi theo hướng từ chủ yếu dựa vào đầu tư và xuất khẩu, chuyển sang chủ yếu dựa vào tiêu dùng nội địa, đồng thời chủ động chuyển hướng đầu tư ra nước ngoài và chính thức trở thành nước xuất khẩu vốn ròng được ghi nhận lần đầu vào năm 2014.

Quá trình gia tăng quy mô vốn đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc nói chung, khu vực châu Á nói riêng, quy mô FDI ròng của Trung Quốc tại Việt Nam cũng đã có chiều hướng gia tăng, tuy nhiên tốc độ tăng chậm hơn nhiều và quy mô vốn cũng tương đối nhỏ so với đối tác của Việt Nam trong cùng kỳ. Điều đó có nghĩa rằng tốc độ chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc được cho là sẽ góp phần làm gia tăng không chỉ quy mô vốn mà còn cả tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư ra nước ngoài đăng ký của Trung Quốc vào Việt Nam cả trong trung hạn và dài hạn. Trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, không chỉ các mục tiêu mà ngay cả các động cơ của chiến lược đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Trung Quốc cũng thường có những thay đổi trong từng giai đoạn phát triển nhằm tối đa hóa lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh cũng như hỗ trợ thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tối ưu hóa kết cấu kinh tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Mặc dù động cơ chủ yếu của đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Trung Quốc vẫn là tìm kiếm tài nguyên, tìm kiếm thị trường và tìm kiếm tài sản chiến lược cũng như tìm kiếm công nghệ, nhưng các nhà đầu tư Trung Quốc thường có một chính sách phân biệt rõ ràng về động cơ chính của đầu tư ra nước ngoài tùy theo chất lượng thể chế và quản trị nhà nước cũng như căn cứ trình độ phát triển kinh tế của từng nước tiếp nhận dòng vốn đầu tư này và Việt Nam không phải là một trường hợp ngoại lệ. Trung Quốc đang chủ động khuyến khích đầu tư ra nước ngoài dọc theo hành lang BRI không chỉ nhằm mục đích kinh tế mà còn bao hàm cả mục tiêu chính trị. FDI của Trung Quốc vào các nước dọc theo tuyến BRI (Sáng kiến Vành đai và con đường) cũng như Việt Nam đều chứa nhiều nét tương đồng của FDI theo chiều hướng dọc trong nhiều phân khúc đầu tư kể từ giữa thập kỷ 2010 với một trong các đặc điểm đáng chú ý sau: Trung Quốc thường chủ động gắn chặt 4 nội dung then chốt (đặc biệt là đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng) là: đầu tư, tín dụng ưu đãi và viện trợ phát triển chính thức (ODA), hợp đồng tổng thầu (EPC), với thương mại.

Tính đến cuối tháng 9-2018, FDI của tất cả các nước tại Việt Nam đã tạo ra gần 4 triệu việc làm trực tiếp, gần 5 triệu việc làm gián tiếp, đóng góp ¼ vốn đầu tư toàn xã hội của Việt Nam, chiếm 1/5 tổng sản phẩm quốc nội, 70% kim ngạch xuất nhập khẩu. Mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng vốn đầu tư nước ngoài của các nước tại Việt Nam nhưng đầu tư của Trung Quốc cũng có những đóng góp nhất định đối với phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Trong điều kiện đại đa số công nhân vốn là lao động nông nghiệp, chưa được đào tạo về chuyên môn, trình độ thấp, các doanh nghiệp trong lĩnh vực gia công chế tạo của Trung Quốc đã tạo công ăn việc làm phù hợp, tăng thu nhập cho người dân. Các khu công nghiệp, doanh nghiệp Trung Quốc tại các tỉnh đã mang lại hàng chục nghìn việc làm cho lao động địa phương.

*

Như vậy, đối với hai nước láng giềng có quan hệ truyền thống lâu đời như Việt Nam và Trung Quốc, quan hệ chính trị -

ngoại giao luôn có vai trò then chốt, tác động trực tiếp tới hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc tại Việt Nam. Các hoạt động FDI của Trung Quốc vào Việt Nam đang có xu hướng gia tăng cả về quy mô vốn đầu tư và số lượng dự án theo từng giai đoạn, đặc biệt là những khoảng thời gian mà mối quan hệ chính trị - ngoại giao giữa hai nước phát triển ổn định, như các năm: 2001 - 2004, 2008 - 2011, 2016 - 2018... Tuy nhiên, hoạt động đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam cũng có những thời điểm trầm lắng như khoảng thời gian từ 2011 - 2014. Rõ ràng, những thay đổi trong quan hệ chính trị-ngoại giao ngay lập tức ảnh hưởng đến hoạt động FDI của Trung Quốc tại Việt Nam. Tuy nhiên, sự ảnh hưởng như đã nói chỉ là nhất thời và không tác động quá tiêu cực đến hoạt động đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam, nó chỉ tạm thời làm suy giảm dòng vốn đầu tư trong một vài thời điểm nhất định chứ không phải là cuộc tháo chạy hàng loạt.

Để có được những kết quả đó, không thể không nhắc đến đường lối chính sách ngoại giao của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Trong quan hệ với nước lớn, Việt Nam luôn thực hiện phương châm ngoại giao mềm dẻo, khôn khéo, linh hoạt và chủ động; đồng thời luôn tìm ra đối sách hợp lý để cân bằng ảnh hưởng của các nước lớn. Nhờ chủ trương đường lối đúng đắn đó mà uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Với tình hình chính trị ổn định và Việt Nam ngày càng khẳng định được vị thế của mình trên trường quốc tế, trong thời gian tới, hoạt động đầu tư trực tiếp của Trung Quốc ở Việt Nam có lẽ sẽ còn tiếp tục được gia tăng hơn nữa.

Mặc dù vẫn còn một số vướng mắc nhất định trong quan hệ chính trị - ngoại giao giữa hai nước, nhưng nhìn chung tăng cường hợp tác cùng phát triển vẫn là xu hướng chủ đạo và minh chứng rõ nét nhất chính là sự gia tăng trong các hoạt động đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam. Do nền kinh tế của Trung Quốc đang trong giai đoạn chuyển đổi từ ưu tiên tăng trưởng nhanh, mạnh sang cơ cấu lại nền kinh tế, chú trọng phát triển thị trường nội địa, đồng thời đẩy mạnh đầu tư ra bên ngoài nên nhu cầu về thị trường đầu tư ổn định là một trong những ưu tiên hàng đầu, hơn nữa sự phụ thuộc lẫn nhau về mặt nguyên liệu và đặc biệt là sự gắn bó giữa nhân dân hai nước Việt - Trung trong các hoạt động buôn bán, khiến cho những bất ổn chính trị - ngoại giao chỉ là những trở ngại trước mắt.

Có thể khẳng định rằng, trong bối cảnh toàn cầu hóa như hiện nay, sự phụ thuộc lẫn nhau và nhu cầu phát triển kinh tế của mỗi nước, khiến cho các căng thẳng về chính trị, ngoại giao chỉ là những chướng ngại vật trước mắt. Xuất phát từ lợi ích của mỗi bên, những căng thẳng trong quan hệ chính trị - ngoại giao đều được tạm gác lại và nhường chỗ cho việc hợp tác phát triển kinh tế, vì lợi ích quốc gia-dân tộc của mỗi nước.

CHÚ THÍCH

(1). Vũ Khoan, *Mốc mới trong quan hệ Việt - Trung*, Tạp chí *Cộng sản*, số 6-1999, tr.9.

(2). Năm 1992, quan hệ an ninh giữa hai nước đã có nhiều chuyển biến tích cực khi vào giữa tháng 10-1992, tổ chuyên gia biên giới Trung - Việt tổ chức vòng đàm phán lần thứ nhất tại Bắc Kinh nhằm trao đổi những ý kiến trong nguyên tắc về vấn đề lãnh thổ giữa hai nước.

(3).https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/thong-tin-ly-luan/-/2018/39202/dang-cong-san-

viet-nam-lanh-dao-cong-tac-phan-dinh-bien-gioi-tren-dat-lien-viet-nam---trung-quoc-giai-doan-1990---2001.aspx

(4). Toàn văn bài trả lời phỏng vấn cho báo chí Việt Nam ngày 14-9-2002 của ông Lê Công Phụng, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam -Trưởng Ban Biên giới, Trưởng đoàn đàm phán cấp Chính phủ về biên giới lãnh thổ Việt Nam - Trung Quốc, http://viet.vietnamembassy.us/tintuc/story.php?d=20020916234331

(5). Các đoàn cấp cao thăm viếng lẫn nhau tăng mạnh so với các giai đoạn trước. Hàng năm, có ít nhất khoảng 2 đoàn lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước hoặc Chính phủ sang thăm lẫn nhau, cùng thảo luận những vấn đề mà hai nước cùng quan tâm, ký kết các hiệp định hợp tác song phương. Theo tính toán của chúng tôi, đến nay đã có khoảng hơn 30 chuyến thăm của các nhà lãnh đạo cấp cao hai nước sang thăm nhau kể từ khi bình thường hóa quan hệ. Tất cả các nhà lãnh đạo từ Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội của hai nước trong 10 năm sau khi hai nước bình thường hóa quan hệ đều có những chuyến thăm chính thức đến nước kia.

(6). Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX, ngày 19-4-2001 tại Hà Nội, Phó Chủ tịch nước Trung Quốc Hồ Cẩm Đào thay mặt Đảng Cộng sản Trung Quốc tới Việt Nam tham dự, xem thêm: *Trung Quốc: Đặc điểm chính sách ngoại giao châu Á,* Tài liệu tham khảo đặc biệt ngày 23-7-2001, tr. 2.

(7). Xem: Hội đàm cấp cao hai Tổng Bí thư Việt Nam - Trung Quốc, https://baochinhphu.vn/hoi-dam-cap-cao-hai-tong-bi-thu-viet-nam-trung-quoc-102181722.htm

(8). Xem: Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc kết thúc tốt đẹp chuyến thăm Trung Quốc, https://vpcp.chinhphu.vn/thu-tuong-nguyen-xuan-phuc-ket-thuc-tot-dep-chuyen-tham-trung-quoc-11516088.htm

(9). Xem: Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm chính thức nước CHND Trung Hoa từ ngày 12/1, https://baochinhphu.vn/tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tham-chinh-thuc-nuoc-chnd-trung-hoa-tu-ngay-12-1-102215127.htm

(10). Xem: Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đón, hội đàm với Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình, https://dangcongsan.vn/thoi-su/tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-don-hoi-dam-voi-tong-bi-thu-chu-tich-trung-quoc-tap-can-binh-461681.html

(11). Xem: Thủ tướng kết thúc chuyến tham dự Hội chợ nhập khẩu quốc tế Trung Quốc, https://www.vietnamplus.vn/thu-tuong-ket-thuc-chuyen-tham-du-hoi-cho-nhap-khau-quoc-te-trung-quoc/533544.vnp

(12). Xem: Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc hội kiến Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình, https://nhandan.vn/thu-tuong-nguyen-xuan-phuc-hoi-kien-tong-bi-thu-chu-tich-trung-quoc-tap-can-binh-post356787.html

(13). Xem: Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng điện đàm với Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình, https://baochinhphu.vn/tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-nguyen-phu-trong-dien-dam-voi-tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-trung-quoc-tap-can-binh-102279840.htm

(14). Xem: Toàn văn Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc, https://baochinhphu.vn/toan-van-tuyen-bo-chung-viet-nam-trung-quoc-102221101184708373.htm

(15). https://nhandan.vn/tuyen-bo-chung-viet-nam-trung-quoc-ve-viec-tiep-tuc-day-manh-va-lam-sau-sac-hon-nua-quan-he-doi-tac-hop-tac-chien-luoc-toan-dien-viet-nam-trung-quoc-post722756.html

(16), (19), (20), (21). Dẫn theo: Vũ Phương, *Nhìn lại tình hình đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam mười năm qua (11/1991-11/2001),* Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 2 (42)-2002, tr.33, 34, 33, 31.

(17). 刘嘉欣(2022)。中国对越南直接投资风险评估与对策研究(硕士学位论文)。云南财经大学。页 26. Lưu Gia Hân, Nghiên cứu đánh giá rủi ro và đối sách với đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam (Luận văn Thạc sĩ), Đại học Kinh tế-Tài chính Vân Nam, 2022, tr.26.

(18), (26), (27), (28), (29). Dẫn theo Nguyễn Đình Liêm, *Đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam sau 20 năm nhìn lại*. Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 8 (156)-2014, tr. 32, 33, 34, 34, 35.

(22). 中华人民共和国商务部,《对外投资合作国别(地区)指南-越南》2021 年 (Bộ thương mại nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Hướng dẫn về việc hợp tác đầu tư với nước ngoài (khu vực) - Việt Nam, năm 2021)

(23). Xem: Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bắt đầu chuyến thăm hữu nghị chính thức nước CHND Trung Hoa, https://quochoi.vn/hoidongdantoc/cacphienhop/Pages/home.aspx/?ItemID=6621

(24). 中华人民共和国商务部,《中国对外直接投资统计公报》2003 年到 2020 年版 (Bộ thương mại nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Công báo thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc, từ năm 2003 đến năm 2020).

(25). Báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

(30). Thường trực Ban Bí thư Lê Hồng Anh thăm Trung Quốc, https://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/thuong-truc-ban-bi-thu-le-hong-anh-tham-trung-quoc-20140825102148913.htm

(31). Toàn văn Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc, https://baochinhphu.vn/toan-van-thong-cao-chung-viet-nam-trung-quoc-102181859.htm

(32). 习近平会见越南总理阮春福:加强推进"一带一路"和"两浪一圈"对接, http://www.chinanews.com/gn/2018//11-04/8667875.shtml

(33), (34), (36), (37). Nguyễn Thị Phương Hoa (Chủ biên), *Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc từ sau sự kiện giàn khoan Hải Dương 981 (năm 2014)*, Nxb.Khoa học xã hội. Hà Nội, 2020, tr.133, 169, 173-174, 175.

(35). Thúc đẩy quan hệ láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện Việt Nam - Trung Quốc. https://dangcongsan.vn/tieu-diem/thuc-day-quan-he-lang-gieng-huu-nghi-hop-tac-toan-dien-viet-nam-trung-quoc-646706.html

(38). Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, "Đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam, lũy kế các dự án còn hiệu lực từ 1-1-1988 đến 31-12-2016.

(39). Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư,"Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài 12 tháng năm 2017 của Trung Quốc tại Việt Nam theo địa phương".

(40). Thống kê của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định tháng 4-2018.

(41). 越南制造"会取代"中国制造吗? http://www.sctn.com/2018/0212/13970192.shtml